



Thanh Hoá, ngày 02 tháng 7 năm 2019

BÁO CÁO

**ƯỚC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THU NSNN – CHI NSDP 06 THÁNG ĐẦU NĂM;
GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THU NSNN - CHI NSDP NĂM 2019**
(Tài liệu phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh ngày 08-10/7/ 2019)

Kinh tế - xã hội nước ta những tháng đầu năm 2019 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới có xu hướng tăng trưởng chậm lại với các yếu tố rủi ro, thách thức gia tăng. Hoạt động thương mại và đầu tư thế giới giảm, bất đồng giữa các nước lớn về định hình hệ thống thương mại toàn cầu ngày càng sâu sắc. Xu hướng tăng lãi suất, biến động khó lường trên thị trường tài chính - tiền tệ quốc tế và giá dầu diễn biến phức tạp tác động đến tăng trưởng tín dụng, tâm lý và kỳ vọng thị trường. Xu hướng gia tăng của chủ nghĩa dân túy, chủ nghĩa bảo hộ sản xuất, bảo hộ mậu dịch cùng những thay đổi về địa chính trị cũng là thách thức đối với kinh tế thế giới và gây ảnh hưởng tới kinh tế Việt Nam. Trong nước, nhờ những thuận lợi từ kết quả ấn tượng đạt được trong năm 2018, nền kinh tế những tháng đầu năm tiếp tục chuyển biến tích cực, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát ở mức thấp (Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 5/2019 tăng 0,49% so với tháng trước, CPI bình quân 5 tháng đầu năm 2019 tăng 2,74% so với cùng kỳ năm 2018, đây là mức tăng bình quân 5 tháng đầu năm thấp nhất trong 3 năm trở lại đây). Bên cạnh đó, nền kinh tế cũng đối mặt nhiều khó khăn, thách thức với tăng trưởng chậm lại của một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực; giải ngân vốn đầu tư công đạt thấp; biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh trên vật nuôi diễn biến phức tạp.

Năm 2019 là năm bút phá để hoàn thành kế hoạch 5 năm 2016 – 2020, là năm đóng vai trò quyết định trong việc thực hiện các mục tiêu của Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII. Nghị quyết 116/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019; Quyết định số 01/QĐ-UBND của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh năm 2019 đã xác định một trong các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu là đẩy mạnh thực hiện các giải pháp tăng thu NSNN, phấn đấu hoàn thành kế hoạch thu NSNN trên địa bàn, phấn đấu thu NSNN năm 2019 đạt 26.642 tỷ đồng.

Kết quả thực hiện nhiệm vụ thu NSNN – chi NSDP 06 tháng đầu năm trên các lĩnh vực và định hướng nhiệm vụ thu NSNN – chi NSDP 06 tháng cuối năm 2019 như sau:

I. Tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN, chi NSDP 06 tháng đầu năm 2019

1. Kết quả thu NSNN trên địa bàn

Dự toán thu NSNN năm 2019 được HĐND nghị quyết là 26.642.000 triệu đồng, tăng 4.825.000 triệu đồng so với dự toán năm 2018. Ước thực hiện 6 tháng là 13.786.408 triệu đồng, đạt 52% dự toán, bằng 189% so với cùng kỳ. Trong đó:

1.1. Thu nội địa: cơ bản thực hiện đạt tiến độ dự toán và cao hơn so với cùng kỳ năm 2018. Dự toán giao 15.542.000 triệu đồng. Ước thực hiện 6 tháng là 8.380.809 triệu đồng, đạt 54% dự toán tính giao, bằng 159% so với cùng kỳ.

- Thu tiền sử dụng đất: Dự toán giao là 4.000.000 triệu đồng. Ước thực hiện 6 tháng là 2.400.000 triệu đồng, 60% dự toán tính giao, bằng 146% so với cùng kỳ năm 2018.

Trong đó, thực thu tiền sử dụng đất điều tiết ngân sách tỉnh 6 tháng 2019 ước đạt 210 tỷ đồng, số thu bao gồm cả GTGC tiền sử dụng đất là 441 tỷ đồng.

- Thu xổ số kiến thiết: Dự toán thu năm 2019 là 12.000 triệu đồng. Ước thực hiện 6 tháng đạt 8.417 triệu đồng, đạt 70% dự toán, bằng 161% so với cùng kỳ.

- Thu nội địa trừ tiền sử dụng đất, xổ số:

+ Có 09/12 lĩnh vực tăng thu so với cùng kỳ và có khả năng đạt, vượt dự toán. Cụ thể một số lĩnh vực như sau:

Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: ước thực hiện 6 tháng đạt 1.961.732 triệu đồng, bằng 49% dự toán và tăng 453% so với cùng kỳ năm 2018.

Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước (bao gồm cả số ghi thu ghi chi tiền đền bù GPMB và đầu tư hạ tầng): ước thực hiện 6 tháng đạt 288.226 triệu đồng, đạt 111% dự toán năm và tăng 106% so với cùng kỳ 2018. Nguyên nhân thực hiện vượt dự toán giao đầu năm do Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn nộp tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê (62 tỷ đồng).

Thu từ doanh nghiệp nhà nước trung ương: ước thực hiện 6 tháng đạt 823.248 triệu đồng, bằng 57% dự toán và tăng 39% so với cùng kỳ năm 2018.

+ Các lĩnh vực có số thu thấp so với cùng kỳ và khó đạt dự toán: thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước địa phương (bằng 92% so với cùng kỳ); thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản (bằng 51% so với cùng kỳ); thu khác ngân sách (bằng 73% so với cùng kỳ). Trong đó, Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước địa phương: ước thực hiện 6 tháng đạt 53.925 triệu đồng, bằng 34% dự toán và 94% so với cùng kỳ 2018. Nguyên nhân số thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước địa phương đạt thấp so với dự toán do Công ty TNHH 1 thành viên

thủy điện Trung Sơn chuyển loại hình sang DNNN trung ương (làm giảm số thu từ khu vực DNNN địa phương 11.625 triệu đồng).

1.2. Các khoản thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: Dự toán thu năm 2019 là 11.100.000 triệu đồng. Ước thực hiện 6 tháng đạt 5.405.599 triệu đồng, đạt 49% so với dự toán và bằng 270% so với cùng kỳ. Kết quả thu chủ yếu do tăng kim ngạch nhập khẩu dầu thô, vải và phụ kiện may, đặc biệt là nhập khẩu dầu thô phục vụ dự án Lọc hóa dầu Nghi Sơn.

2. Thu NSDP được hưởng theo phân cấp:

- Dự toán thu NSDP được hưởng theo phân cấp: 10.974.089 triệu đồng, trong đó, từ các khoản thu phân chia là 4.992.100 triệu đồng; từ các khoản thu NSDP được hưởng 100% là 5.981.989 triệu đồng.

- Ước thực hiện 06 tháng đầu năm: 6.186.140 triệu đồng, đạt 56% dự toán. Trong đó, các khoản thu phân chia ước thực hiện 6 tháng đạt 2.477.368 triệu đồng; từ các khoản thu NSDP được hưởng 100% đạt 3.708.772 triệu đồng. Điều tiết các cấp ngân sách như sau: ngân sách cấp tỉnh 2.592.357 triệu đồng, ngân sách huyện xã 3.233.783 triệu đồng.

(Chi tiết theo biểu số 2 đính kèm)

3. Tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN ở các huyện, thị xã, thành phố

Tổng thu 6 tháng đầu năm ước thực hiện 4.010.999 triệu đồng đạt 60% dự toán tỉnh giao, ước thực hiện cả năm 2019 là 8.356.806 triệu đồng bằng 125% dự toán tỉnh giao. Trong đó:

Thu tiền sử dụng đất đạt 60% kế hoạch tỉnh giao; một số huyện có số thu đạt cao so với dự toán tỉnh giao như Đông Sơn 100%, Triệu Sơn 130%, Vĩnh lộc 63%...

Các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác đạt 62% dự toán. Trong đó, thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh, ước thực hiện 6 tháng 550 tỷ đồng, đạt 60% so với dự toán tỉnh giao (chủ yếu là số thu thuế giá trị gia tăng; Thuế tài nguyên nước thủy điện tại các huyện Thường Xuân, Bá Thước, Quan Hóa)

Thu tại xã đạt 20% so với dự toán tỉnh giao. Số thu tại xã đạt tỷ lệ thấp do nguồn thu hoa lợi công sản khó khăn vì diện tích đất công ích ngày càng bị thu hẹp do chuyển đổi mục đích sử dụng; nguồn thu sự nghiệp bị giảm do chuyển đổi mô hình quản lý chợ cho các doanh nghiệp quản lý. Mặt khác đây là nguồn thu mang tính chất thời vụ các đối tượng có nghĩa vụ nộp các khoản thu này thường nộp vào thời điểm cuối năm.

(Chi tiết theo biểu số 3 đính kèm)

4. Các nhân tố chủ yếu tác động đến tình hình thực hiện dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 6 tháng đầu năm 2019

a. Tình hình kinh tế xã hội và công tác chỉ đạo, điều hành của tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh

Tình hình kinh tế trên địa bàn tỉnh tiếp tục ổn định và phát triển, GRDP quý 1 năm 2019 đạt 24,8%; một số dự án quy mô lớn trên địa bàn tỉnh được khởi công hoặc hoàn thành đưa vào sử dụng tạo động lực cho phát triển kinh tế và tăng nguồn thu quan trọng cho ngân sách năm 2019 như Lọc dầu Nghi Sơn, Nhiệt điện Nghi Sơn 1...

Ngay từ đầu năm, thực hiện chỉ đạo của tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, các ngành, các cấp đã triển khai quyết liệt các giải pháp chống thất thu ngân sách, tích cực triển khai thực hiện Đề án giám sát DN có hoạt động khai thác tài nguyên, khoáng sản trên địa bàn tỉnh kèm theo Quyết định số 5040/QĐ-UBND ngày 14/12/2018; Kế hoạch số 79/KH-UBND ngày 09/4/2018 chống thất thu thuế đối với hộ kinh doanh, tập trung vào một số ngành như: nhà hàng, nhà nghỉ, khách sạn, dịch vụ... Do đó, đã góp phần huy động đầy đủ các khoản thu vào NSNN.

UBND tỉnh đã có nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành yêu cầu sự phối hợp, tham gia tích cực của các cấp, các ngành (UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan tài chính; Kế hoạch và đầu tư; Công thương...) vào công tác thu để cùng với cơ quan Thuế, cơ quan Hải quan thực hiện thắng lợi dự toán thu năm 2019.

b. Tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trọng điểm

- Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài:

+ Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn: Ước sản lượng tiêu thụ 6 tháng được 3.883 triệu tấn, đạt 58,7% so với kế hoạch; nộp ngân sách là 1.650 tỷ đồng, đạt 48,8% so với dự toán giao.

+ Công ty xi măng Nghi Sơn: Ước sản lượng tiêu thụ 6 tháng được 1.912 ngàn tấn, đạt 39,6% kế hoạch và bằng 79,6% so với cùng kỳ; nộp ngân sách là 100,9 tỷ đồng, đạt 82,4% dự toán và bằng 184,1% cùng kỳ.

- Một số doanh nghiệp nộp ngân sách trọng điểm, chủ lực của tỉnh (bia, thuốc lá, xi măng) đã thực hiện các điều chỉnh về cơ cấu hàng hóa, khai thác thị trường để tăng sản lượng tiêu thụ, tăng số thu nộp vào NSNN. Cụ thể:

+ Công ty TNHH 1 TV thuốc lá Thanh Hóa: Sản lượng tiêu thụ 6 tháng được 120,7 triệu bao, đạt 52,2% kế hoạch và bằng 148,6% cùng kỳ; nộp ngân sách là 223,9 tỷ đồng, đạt 62,2% dự toán và bằng 161,1% so cùng kỳ.

+ Công ty cổ phần Bia Thanh Hóa: Ước sản lượng tiêu thụ 6 tháng được 31,8 triệu lít, đạt 48,5% kế hoạch và bằng 121,4% so với cùng kỳ; nộp ngân sách là 165,9 tỷ đồng, đạt 53,5% dự toán và bằng 162,3% so với cùng kỳ.

+ Công ty cổ phần xi măng Bỉm Sơn: Ước sản lượng tiêu thụ 6 tháng được 2.128 nghìn tấn, đạt 50,3% kế hoạch và bằng 98,7% so với cùng kỳ; nộp ngân sách là 66,1 tỷ đồng, đạt 52,1% dự toán và bằng 109% cùng kỳ.

c. Tình hình xuất nhập khẩu

Kim ngạch xuất nhập khẩu 06 tháng đầu năm 2019 tương đối ổn định. Kim ngạch xuất khẩu bằng 192.45% so với cùng kỳ năm 2018 với các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu là: hàng dệt may, sản phẩm gỗ, sản phẩm đá, clinker, hàng hải sản, chế phẩm lọc hóa dầu, vôi dolomite. Kim ngạch nhập khẩu bằng 260,4% so với cùng kỳ 2018, trong đó một số mặt hàng nhập khẩu có số thu chủ yếu là dầu thô, nguyên liệu lọc hóa dầu, máy móc thiết bị nhập khẩu tạo TSCĐ của các dự án ưu đãi đầu tư, linh kiện ô tô, nguyên liệu sản xuất thuốc tân dược, nguyên liệu sản xuất thức ăn gia súc, thạch cao, nguyên liệu sản xuất thuốc lá. Mặt hàng có số thu lớn, chiếm tỷ trọng chủ yếu là: dầu thô, nguyên liệu lọc hóa dầu phục vụ dự án của Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn (chiếm khoảng 90% tổng thu xuất nhập khẩu trên địa bàn).

2. Kết quả thực hiện chi ngân sách địa phương

2.1 Tình hình thực hiện dự toán chi NSDP

Tổng dự toán chi NSDP là 30.277.901 triệu đồng; ước thực hiện 6 tháng đầu năm là 14.870.294 triệu đồng, bằng 49% so với dự toán giao đầu năm.

Chi tiết các lĩnh vực chủ yếu như sau:

- Chi đầu tư phát triển cân đối NSDP: Dự toán năm 2019 là 5.461.760 triệu đồng, ước thực hiện 6 tháng là 3.129.396 triệu đồng, bằng 57% so với dự toán giao đầu năm.

- Chi thường xuyên: Dự toán năm 2019 là 20.862.142 triệu đồng, ước thực hiện 6 tháng là 10.463.664 triệu đồng, bằng 50% dự toán giao đầu năm.

- Chi từ nguồn TW bổ sung có mục tiêu cho NSDP: Dự toán năm 2019 là 3.448.182 triệu đồng, ước thực hiện 6 tháng là 1.110.179 triệu đồng, bằng 32% dự toán giao đầu năm. Trong đó:

+ Chi chương trình MTQG: dự toán đầu năm 1.596.141 triệu đồng, ước thực hiện 6 tháng 418.816 triệu đồng, đạt 26% dự toán. Các nội dung thực hiện đạt tỷ lệ thấp so với dự toán là chi đầu tư phát triển thuộc chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững và Xây dựng nông thôn mới.

+ Chi cho các chương trình, dự án quan trọng vốn đầu tư: dự toán giao đầu năm 1.332.634 triệu đồng; ước thực hiện 6 tháng đạt 444.416 triệu đồng, bằng 33% dự toán.

+ Chi cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên: dự toán giao đầu năm 519.407 triệu đồng, ước thực hiện 6 tháng 246.947 triệu đồng, đạt 48% dự toán.

(Chi tiết từng lĩnh vực theo phụ biểu số 4 đính kèm)

2.2 Chi từ nguồn dự phòng ngân sách cấp tỉnh

Chi từ nguồn dự phòng ngân sách tỉnh đã đáp ứng được yêu cầu xử lý các vấn đề cấp bách trên địa bàn tỉnh trong 06 tháng đầu năm: phòng, chống, xử lý

dịch tả lỵ châu Phi, lở mồm long móng, tai xanh; tiếp tục thực hiện các dự án khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra năm 2018....

Tổng nguồn dự phòng ngân sách cấp tỉnh năm 2019: 293.819 triệu đồng, ước thực hiện 06 tháng là 67.213 triệu đồng. Các nhiệm vụ chi chủ yếu là phục vụ thực hiện công tác ngăn chặn và ứng phó khẩn cấp với dịch tả lỵ Châu Phi xảy ra trên địa bàn tỉnh và hỗ trợ các hộ sản xuất do lỵ mắc bệnh lở mồm long móng, tai xanh, dịch tả lỵ châu Phi trên địa bàn tỉnh (31.531 triệu đồng)...

(Chi tiết theo biểu số 5 đính kèm)

2.3 Đánh giá chung tình hình thực hiện dự toán chi NSDP 6 tháng đầu năm

a. Kết quả đã đạt được

- Chi đầu tư phát triển:

Ngay từ đầu năm đã thực hiện phân bổ và thông báo vốn đầu tư XDCCB trong cân đối cho các dự án đủ điều kiện giao vốn, tạo điều kiện cho các chủ đầu tư có nguồn kinh phí để sớm triển khai thực hiện dự án (tổng kế hoạch vốn đầu tư phát triển trong cân đối ngân sách tỉnh là 1.449 tỷ đồng, đã phân bổ chi tiết cho các dự án 1.313 tỷ đồng (chi đầu tư XDCCB vốn trong nước: 1.213 tỷ đồng; hỗ trợ đầu tư các dự án công sở xã: 80 tỷ đồng; đối ứng các dự án sử dụng vốn ODA: 20 tỷ đồng), đạt 91% kế hoạch, vốn còn lại chưa giao 137 tỷ đồng).

Một số chương trình, dự án, đề án đã được đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các hồ sơ, thủ tục, đảm bảo đủ điều kiện được giao vốn, phân bổ vốn trong 6 tháng đầu năm theo kế hoạch: chi đầu tư từ nguồn Trung ương bổ sung (Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, vốn đầu tư theo các CTMT); vốn nước ngoài (vốn ODA); vốn trái phiếu chính phủ.

- Chi thường xuyên:

Chi ngân sách được tổ chức quản lý chặt chẽ và theo đúng các quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương đã được ban hành. Các ngành, các cấp đã triển khai thực hiện nhiệm vụ một cách tích cực, điều hành ngân sách bám sát dự toán được giao, bảo đảm nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả, tuân thủ đúng chế độ, chính sách của Trung ương, tỉnh đã ban hành.

Đối với nhóm các chế độ, chính sách cho con người, chính sách an sinh xã hội: thực hiện giao ngay trong dự toán đầu năm để các địa phương chủ động thực các nhiệm vụ chi theo dự toán, góp phần ổn định đời sống người dân trên địa bàn.

Thực hiện tặng 100.617 suất quà cho người có công và thân nhân người có công nhân dịp Tết Nguyên đán (15 tỷ đồng); hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em 3-5 tuổi (130 tỷ đồng); hỗ trợ mua thẻ BHYT cho đối tượng là hộ nghèo, hộ cận

nghèo, trẻ em dưới 06 tuổi... (1.348 triệu đồng). Ước thực hiện 6 tháng đầu năm đã cấp được 2.050.523 thẻ cho các nhóm đối tượng, tương ứng với số kinh phí là 785 tỷ đồng và trợ cấp thường xuyên hàng tháng trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định 136/2013/NĐ-CP là cho 215.804 đối tượng tương ứng với số tiền là 510 tỷ đồng; Chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ chính sách xã hội tiền điện ước thực hiện 6 tháng đầu năm là 29.860 tỷ đồng, tương ứng với hỗ trợ 97.583 đối tượng hộ nghèo, hộ chính sách xã hội.

Đối với việc thực hiện các chương trình, chính sách phát triển kinh tế - xã hội: các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế (chính sách hỗ trợ kinh phí sử dụng sản phẩm công ích thủy lợi; chính sách bảo vệ, phát triển đất trồng lúa; chính sách khuyến khích thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp; chính sách hỗ trợ sản xuất giống cây trồng, vật nuôi...) được phân bổ chi tiết ngay từ dự toán đầu năm, tạo điều kiện cho các cấp, các ngành chủ động thực hiện chính sách, hỗ trợ phát triển sản xuất, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

b. Một số hạn chế, khó khăn

Bên cạnh những kết quả đó, quản lý chi NSDP cũng còn tồn tại một số hạn chế, khó khăn:

Tỷ lệ giải ngân của các dự án đầu tư XD CB không cao do một số nguồn vốn giao trong tháng 4, vốn ODA giao cho một số chương trình chưa được phân bổ chi tiết cho từng tiểu dự án (như: chương trình nước sạch và VSMT dựa trên kết quả 8 tỉnh đồng bằng sông Hồng; Dự án Giáo dục trung học cơ sở khó khăn nhất – giai đoạn 2).

Một số chủ đầu tư chưa tích cực trong công tác lập, hoàn chỉnh hồ sơ thanh toán để đẩy nhanh tiến độ giải ngân theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại công văn số 4423/UBND-TT/KH ngày 12/4/2019 về đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019.

Công tác chi trả đền bù giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn dẫn đến không có khối lượng để giải ngân;

Một số công trình, dự án nhà thầu xây lắp không có đủ năng lực, kinh nghiệm thi công dẫn đến tiến độ thi công chậm nên không giải ngân được vốn.

Một số nhiệm vụ, chính sách chi thường xuyên đã được ghi trong dự toán đầu năm nhưng tiến độ phân bổ chậm (chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp và thương mại; chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư vào Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp; Hỗ trợ tổ chức, đơn vị lao động là người dân tộc thiểu số; hỗ trợ kinh phí thực hiện đề án tăng cường quản lý khai thác gỗ rừng tự nhiên). Đây là các chính sách chỉ thực hiện phân bổ kinh phí khi phát sinh nội dung và có đầy đủ hồ sơ.

II. Giải pháp thực hiện nhiệm vụ thu NSNN – chi NSDP 06 tháng cuối năm 2019

1. Nhiệm vụ thu – chi tháng 6 cuối năm 2019

1.1. Nhiệm vụ thu NSDP 6 tháng cuối năm 2019:	12.950 tỷ đồng.
- Thu nội địa:	7.250 tỷ đồng.
- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu:	5.700 tỷ đồng.
1.2. Nhiệm vụ chi 6 tháng cuối năm 2019:	15.500 tỷ đồng.
- Chi đầu tư phát triển cân đối NSDP:	2.350 tỷ đồng.
- Chi thường xuyên:	10.400 tỷ đồng.
- Chi nguồn TW bổ sung và nhiệm vụ khác:	2.750 tỷ đồng.

2. Giải pháp hoàn thành dự toán thu NSNN – chi NSDP năm 2019

Tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh các tháng cuối năm 2019 dự kiến vẫn tiếp tục có nhiều khó khăn ảnh hưởng đến công tác điều hành dự toán thu NSNN – chi NSDP năm 2019, như: dịch tả lợn Châu Phi diễn biến phức tạp, có nguy cơ lây lan trên diện rộng; sản xuất công nghiệp mặc dù tăng trưởng cao nhưng vẫn còn một số ít sản phẩm có sản lượng giảm so với cùng kỳ; một số nhà máy đi vào hoạt động nhưng chưa đạt công suất thiết kế; hạ tầng các KCN, cụm công nghiệp chậm được đầu tư... Trước tình hình đó, để hoàn thành dự toán thu NSNN – chi NSDP năm 2019 cần thực hiện tốt các giải pháp sau:

2.1. Tiếp tục triển khai tích cực, đồng bộ các giải pháp thực hiện dự toán thu NSNN năm 2019, phấn đấu hoàn thành dự toán thu.

a. Tăng cường khai thác các nguồn thu từ đất

- Triển khai thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất các dự án trọng điểm trên địa bàn thành phố Thanh Hóa và thành phố Sầm Sơn để tập trung nguồn thu thực hiện các dự án lớn và nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh.

- Căn cứ kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất được phê duyệt và lộ trình thực hiện, khẩn trương thực hiện các quy trình:

+ Xây dựng kế hoạch thu tiền sử dụng đất (huyện, thị xã, thành phố và toàn tỉnh).

+ Tập trung nguồn lực để hoàn thành giải phóng mặt bằng và đầu tư hạ tầng trong thời gian ngắn nhất. Đối với các dự án còn vướng mắc trong công tác GPMB, đầu tư hạ tầng, các địa phương cần chỉ đạo quyết liệt, làm việc cụ thể với nhà đầu tư, có cam kết về tiến độ GPMB, đầu tư hạ tầng.

+ Lựa chọn nhà thầu đầu tư hạ tầng đủ năng lực tài chính, kỹ thuật.

+ Xây dựng phương án đấu giá, quyết định đấu giá quyền sử dụng đất, xác định giá khởi điểm đấu giá, phê duyệt kết quả trúng đấu giá,...

+ Các địa phương, Trung tâm Phát triển quỹ đất Thanh Hóa, các bên mời

thầu tăng cường công tác kiểm tra, giám sát công tác giải phóng mặt bằng, đầu tư hạ tầng; thường xuyên rà soát, đôn đốc các cá nhân, tổ chức trúng đấu giá quyền sử dụng đất, được giao đất, trúng thầu dự án có sử dụng đất thực hiện nộp tiền sử dụng đất theo đúng hợp đồng.

+ Nghiên cứu quy định các ràng buộc trong hồ sơ mời thầu, hợp đồng đảm bảo chặt chẽ, đầy đủ, xác định trách nhiệm trong GPMB, có chế tài xử lý trong trường hợp chậm nộp tiền sử dụng đất, như: Thu lại diện tích tương ứng số tiền chậm nộp (đối với đấu giá) nếu nhà đầu tư chậm nộp 05 (năm) ngày theo quy định; hủy kết quả đấu thầu và không được tham gia đấu thầu dự án mới.

- Đối với các dự án có quy mô lớn: Sau khi đã được UBND tỉnh phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất, cần khẩn trương thực hiện các bước tiếp theo để đấu giá quyền sử dụng đất, thu tiền vào NSNN.

- Cơ quan tài chính các cấp thường xuyên phối hợp với cơ quan thuế cập nhật nợ đọng tiền sử dụng đất để tham mưu cho các cấp chính quyền trong việc đôn đốc thu đúng, thu đủ tiền sử dụng đất cho ngân sách nhà nước.

b. Quan tâm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp

- Tổ chức thực hiện tốt các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển theo phân công của UBND tỉnh tại Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 02/01/2019 về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2019 để nuôi dưỡng, phát triển nguồn thu NSNN.

- Các địa phương tích cực, chủ động triển khai thực hiện kế hoạch phát triển doanh nghiệp của địa phương mình, đảm bảo thực hiện tốt chỉ tiêu về thành lập mới doanh nghiệp năm 2019 được giao.

c. Tiếp tục triển khai các giải pháp chống thất thu thuế

- Các ngành, các cấp triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao tại chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 02/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc tập trung thực hiện một số giải pháp đảm bảo hoàn thành vượt mức dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2019 và những năm tới.

- Cơ quan thuế tập trung rà soát, xác định chính xác, đầy đủ, khách quan các đối tượng phải kê khai nộp thuế, doanh thu, cơ sở tính thuế, mức thuế phải nộp; không bỏ sót đối tượng, thất thoát nguồn thu theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 02/5/2019 về việc tập trung thực hiện một số giải pháp đảm bảo hoàn thành vượt mức dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2019 và những năm tới.

Tiếp tục triển khai thực hiện tốt công tác chống thất thu đối với khu vực doanh nghiệp ngoài quốc doanh và hộ cá nhân kinh doanh theo tinh thần tại Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 06/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ, Kế hoạch chống thất

thu thuế đối với hộ kinh doanh cá thể số 79/KH-UBND ngày 09/4/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa, trong đó tập trung tại những địa bàn trọng điểm để tạo sự chuyển biến căn bản trong công tác quản lý đối với lĩnh vực ngoài quốc doanh. Trên cơ sở kết quả rà soát diện hộ quản lý thuế với các ngành Thống kê, Tài chính theo Kế hoạch 6468/KH – CT của Cục Thuế để chỉ đạo các Chi cục Thuế tuyên truyền và hướng dẫn hộ kinh doanh kê khai và khảo sát, lập bộ, duyệt bộ và công khai thông tin hộ khoán đối với những hộ chưa quản lý thuế theo đúng các bước của quy trình quản lý thuế đối với cá nhân kinh doanh theo quyết định số 2371/QĐ-TCT ngày 18/12/2015 của Tổng cục Thuế.

Thường xuyên theo dõi, đánh giá kết quả triển khai Đề án giám sát hồ sơ khai thuế đối với các DN khai thác tài nguyên, khoáng sản ban hành theo Quyết định số 5040/QĐ-UBND ngày 14/12/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa

Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, bảo đảm thu đúng, đủ, kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác vào NSNN. Quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng theo đúng quy định của pháp luật, trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao. Tổ chức đôn đốc thu đầy đủ, kịp thời các khoản thu phát sinh, các khoản phải thu theo kết quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán vào ngân sách nhà nước.

Tổ chức thực hiện quyết liệt các biện pháp đôn đốc và cưỡng chế thu nợ thuế theo đúng quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành; thường xuyên thực hiện tốt Đề án quản lý nợ đã được phê duyệt của Tổng cục Thuế để tránh tình trạng nợ đọng, nợ khó thu.

- UBND các huyện, thị xã tích cực, chủ động xây dựng kế hoạch, tổ chức các giải pháp huy động nguồn thu để thực hiện nhiệm vụ thu được giao; tăng cường phát huy vai trò của hội đồng tư vấn thuế cấp xã để đảm bảo thu đúng, thu đủ theo quy định. Đẩy mạnh phổ biến, hướng dẫn pháp luật về thuế đến từng hộ kinh doanh; coi trọng việc thu và chống thất thu thuế lĩnh vực công thương nghiệp và dịch vụ ngoài quốc doanh; thông báo kịp thời số hộ đã đăng ký kinh doanh cho chi cục thuế cùng cấp để đưa vào diện quản lý thuế theo đúng quy định; Chỉ đạo kiện toàn tổ chức và hoạt động của Hội đồng tư vấn thuế xã, phường; ...

2.2. Về quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách địa phương

a. Đối với chi đầu tư XDCB

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công năm 2019, đặc biệt là các dự án thuộc CTMTQG và các dự án mới được giao vốn. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại công văn số 4423/UBND-THKH ngày 12/4/2019, phấn đấu đến 31/12/2019 giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn đã giao trong niên độ ngân sách năm 2019.

- Đối với các chương trình, dự án chưa được giao kế hoạch vốn chi tiết: Khẩn trương giao kế hoạch vốn chi tiết cho các dự án, gói thầu ngay sau khi có

quyết định giao kế hoạch vốn của UBND tỉnh và các dự án đảm bảo đủ hồ sơ; thủ tục theo quy định để các cấp, các ngành, các chủ đầu tư thực hiện.

- Đối với các dự án đang chờ thực hiện công tác GPMB: UBND các huyện, thị xã, thành phố kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong công tác kiểm kê, bồi thường GPMB, di dân tái định cư để bàn giao mặt bằng sạch cho đơn vị thi công đúng thời gian quy định. Địa phương nào dễ xảy ra chậm trễ trong việc bàn giao mặt bằng, làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công của dự án, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố phải chịu trách nhiệm trước Tỉnh ủy, UBND, Chủ tịch UBND tỉnh.

- Thực hiện quy trình lựa chọn nhà thầu thi công chặt chẽ, minh bạch, đảm bảo các nhà thầu được chọn phải đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện dự án đúng tiến độ. Các chủ đầu tư, Ban QLDA cần tăng cường tính chủ động, ý thức trách nhiệm trong chuẩn bị các điều kiện, hồ sơ cần thiết nhằm đẩy nhanh quá trình giải ngân vốn, tránh tình trạng tồn đọng vốn đến cuối năm hoặc phải chuyển nguồn sang năm sau khi có khối lượng phát sinh.

- Rà soát, điều chuyển kế hoạch vốn năm 2019 của các dự án chậm tiến độ sang các dự án khác đã có khối lượng và có nhu cầu bổ sung vốn để sớm hoàn thành đưa vào sử dụng, kiên quyết không để tái diễn tình trạng các đơn vị, các chủ dự án, chủ chương trình và chủ đầu tư không giải ngân hết số kinh phí được giao trong khi nhu cầu thực tế đang rất cần kinh phí để tổ chức đầu tư, sản xuất kinh doanh, góp phần tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và giảm hiệu quả trong sử dụng NSNN theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Quyết định số 2064/QĐ-UBND ngày 03/6/2019.

b. Đối với chi thường xuyên

Tiếp tục tổ chức điều hành dự toán chi NSNN năm 2019 chủ động, chặt chẽ, trong phạm vi dự toán được giao và khả năng thu ngân sách; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách. Chỉ ban hành mới cơ chế, chính sách chi khi có nguồn tài chính đảm bảo.

Triệt để tiết kiệm các khoản chi ngân sách; hạn chế tối đa tổ chức các hội nghị, lễ hội, hội thảo, khánh tiết, công tác nước ngoài; hạn chế mua sắm ô tô công và trang thiết bị đắt tiền;...

Các địa phương chủ động sử dụng dự phòng và các nguồn lực hợp pháp của địa phương để xử lý các nhiệm vụ chi phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh và các nhiệm vụ chi quan trọng, cấp bách, đột xuất phát sinh theo quy định; cân đối ngân sách trong trường hợp thu ngân sách không đạt dự toán theo quy định.

Triển khai chi trả đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội; các cấp ngân sách chủ động sắp xếp, sử dụng nguồn kinh phí được giao để chi trả kịp thời chế độ, chính sách cho các đối tượng thụ hưởng.

Trên đây là những nội dung cơ bản đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN – chi NSDP 06 tháng đầu năm 2019 và giải pháp hoàn thành dự toán thu NSNN – chi NSDP năm 2019./.

UBND TỈNH THANH HÓA

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019*(Tài liệu phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh ngày 08-10/7/ 2019)*

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỶ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU TRÊN ĐỊA BÀN	26.642.000	20.180.726	76%	142%
I	Thu cân đối NSNN	26.642.000	13.786.408	52%	189%
1	Thu nội địa	15.542.000	8.380.809	54%	159%
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất, nhập khẩu	11.100.000	5.405.599	49%	270%
4	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		6.394.318		92%
B	TỔNG CHI NSDP	30.277.901	21.324.742	70%	159%
I	Chi cân đối NSDP	26.829.719	19.953.909	74%	165%
1	Chi đầu tư phát triển	5.461.760	4.185.386	77%	179%
2	Chi thường xuyên	20.862.142	15.625.621	75%	161%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay				
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	3.230	3.230	100%	100%
5	Dự phòng ngân sách	502.587	139.672	28%	
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	3.448.182	1.370.833	40%	105%
C	BỘI THU NSDP				
D	CHI TRẢ NỢ GỐC	164.711	81.418	49%	

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

(Tài liệu phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh ngày 08-10/7/ 2019)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	26.642.000	13.786.408	52%	189%
	Thu nội địa trừ tiền sử dụng đất, xổ số	11.530.000	5.972.392	52%	189%
I	Thu nội địa	15.542.000	8.380.809	54%	159%
1	Thu từ khu vực DNNN	1.610.000	877.173	54%	134%
	<i>Thu từ khu vực DNNN trung ương</i>	<i>1.450.000</i>	<i>823.248</i>	<i>57%</i>	<i>139%</i>
	<i>Thu từ khu vực DNNN địa phương</i>	<i>160.000</i>	<i>53.925</i>	<i>34%</i>	<i>92%</i>
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	4.010.000	1.961.732	49%	553%
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1.950.000	967.965	50%	114%
4	Thuế thu nhập cá nhân	620.000	425.605	69%	101%
5	Thuế bảo vệ môi trường	1.460.000	636.568	44%	131%
6	Lệ phí trước bạ	700.000	370.435	53%	123%
7	Thu phí, lệ phí	300.000	155.531	52%	113%
8	Các khoản thu về nhà, đất	4.300.000	2.709.674	63%	151%
-	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>				
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	<i>40.000</i>	<i>21.060</i>	<i>53%</i>	<i>107%</i>
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	<i>4.000.000</i>	<i>2.400.000</i>	<i>60%</i>	<i>146%</i>
-	<i>Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>	<i>260.000</i>	<i>288.226</i>	<i>111%</i>	<i>206%</i>
-	<i>Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước</i>		<i>388</i>		<i>109%</i>
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	85.000	105.812	124%	187%
	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chi của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	10.000	0		
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	12.000	8.417	70%	161%
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	105.000	21.000	20%	66%
13	Thu khác ngân sách	380.000	140.897	37%	77%
II	Thu từ dầu thô				
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	11.100.000	5.405.599	49%	270%
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	9.700.000	5.222.942	54%	315%
2	Thuế xuất khẩu	250.000	116.944	47%	104%
3	Thuế nhập khẩu	1.150.000	61.951	5%	27%
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu		24		240%
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu		3.385		
6	Thu khác ngân sách		353		
IV	Thu viện trợ				
B	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	10.974.089	6.186.140	56%	129%
1	Từ các khoản thu phân chia	4.992.100	2.477.368	50%	125%
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	5.981.989	3.708.772	62%	132%

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THU NSNN, CHI NSDP NĂM 2019 CỦA CÁC HUYỆN, THỊ, TP

(Tài liệu phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh ngày 08-10/7/ 2019)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên huyện	Thu ngân sách nhà nước								SS ước TH/DT(%)		Chi NS huyện		
		Dự toán thu NSNN tính giao	Trong đó			Ước thực hiện 6 tháng	Trong đó			Tổng thu NSNN	Thu NSNN đã loại trừ thu tiền SDD	Dự toán NSHX tính giao	Ước thực hiện chi NS huyện 6 tháng	SS ước TH/DT (%)
			Thu tiền SDD	Các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác	Thu tại xã		Thu tiền sử dụng đất	Các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác	Thu tại xã					
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9=5/1	10	11	12	13=12/11
	Tổng số	6.684.845	4.000.000	2.579.845	105.000	4.010.999	2.400.000	1.590.000	21.000	60%	60%	17.053.083	9.377.656	55%
1	TP.Thanh Hóa	2.378.278	1.490.000	881.478	6.800	1.220.066	710.000	508.416	1.650	51%	57%	2.035.147	1.186.569	58%
2	TP. Sầm Sơn	376.536	220.000	153.136	3.400	252.774	163.500	88.824	450	67%	57%	502.753	273.272	54%
3	TX, Bìn Sơn	206.090	30.000	172.590	3.500	118.300	17.580	100.340	380	57%	57%	229.540	123.270	54%
4	H. Hà Trung	164.437	100.000	58.037	6.400	109.500	73.200	34.100	2.200	67%	56%	493.732	262.366	53%
5	H. Nga Sơn	280.759	220.000	54.259	6.500	211.300	180.150	30.580	570	75%	51%	730.218	395.100	54%
6	H. Hậu Lộc	294.682	230.000	61.182	3.500	140.050	107.970	31.500	580	48%	50%	790.869	410.200	52%
7	H. Hoằng Hóa	468.154	360.000	98.154	10.000	274.270	204.750	66.320	3.200	59%	64%	1.079.258	580.250	54%
8	Quảng Xương	272.124	200.000	67.124	5.000	173.232	121.000	51.392	840	64%	72%	746.734	435.367	58%
9	H. Tĩnh Gia	271.166	110.000	154.966	6.200	149.207	25.000	123.327	880	55%	77%	911.684	475.842	52%
10	Nông Công	149.042	90.000	53.042	6.000	108.154	72.400	35.200	554	73%	61%	614.608	395.200	64%
11	H.Đông Sơn	192.489	140.000	50.389	2.100	175.020	141.200	33.420	400	91%	64%	419.009	220.500	53%
12	H. Triệu Sơn	194.151	110.000	79.151	5.000	191.850	143.400	47.600	850	99%	58%	757.793	405.200	53%
13	H Thọ Xuân	186.957	90.000	86.957	10.000	126.950	73.200	51.850	1.900	68%	55%	861.620	445.500	52%
14	H. Yên Định	270.042	150.000	110.242	9.800	150.170	75.050	73.920	1.200	56%	63%	652.029	350.600	54%
15	H. Thiệu Hóa	170.760	110.000	54.560	6.200	103.950	72.500	30.200	1.250	61%	52%	583.267	320.800	55%
16	H. Vĩnh Lộc	155.324	120.000	33.324	2.000	105.550	75.500	29.700	350	68%	85%	457.291	285.500	62%
17	Thạch Thành	78.264	30.000	44.064	4.200	43.034	13.600	28.414	1.020	55%	61%	627.873	325.850	52%
18	H. Cẩm Thủy	135.614	90.000	42.614	3.000	91.696	62.350	28.596	750	68%	64%	529.557	285.200	54%
19	H. Ngọc Lặc	68.975	30.000	36.175	2.800	31.460	11.000	20.040	420	46%	52%	587.563	310.520	53%
20	Như Thanh	111.927	35.000	75.927	1.000	76.725	36.250	39.500	976	69%	53%	507.421	283.520	56%
21	Lạng Chánh	15.597	0	15.597	0	12.417	2.600	9.817		80%	63%	320.378	175.620	55%
22	Bá Thước	37.919	5.000	32.619	300	28.710	6.200	22.480	30	76%	68%	581.231	320.500	55%
23	Quan Hóa	49.559	0	49.559	0	25.660		25.660		52%	52%	360.885	195.820	54%
24	Thường Xuân	59.946	15.000	44.746	200	45.470	4.200	41.250	20	76%	92%	613.209	326.120	53%
25	Như Xuân	77.088	25.000	51.488	600	29.600	6.300	23.000	300	38%	45%	416.351	228.520	55%
26	H. Mường Lát	6.639	0	6.639	0	6.164	100	6.054	10	93%	91%	299.662	169.200	56%
27	H. Quan Sơn	12.326	0	11.826	500	9.720	1.000	8.500	220	79%	71%	343.400	191.250	56%

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

(Tài liệu phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh ngày 08-10/7/ 2019)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỶ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NSDP	30.277.901	14.870.294	49%	111%
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	26.829.719	13.760.115	51%	114%
I	Chi đầu tư phát triển	5.461.760	3.129.396	57%	133%
1	Chi đầu tư cho các dự án	4.949.760	2.650.389	54%	123%
	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	30.000	30.000	100%	
2					
3	Chi đầu tư phát triển khác	482.000	449.007	93%	355%
II	Chi thường xuyên	20.862.142	10.463.664	50%	108%
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	9.050.993	4.418.695	49%	104%
2	Chi khoa học và công nghệ	115.497	40.447	35%	170%
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	2.524.710	1.287.355	51%	97%
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	394.220	183.923	47%	111%
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	385.497	177.074	46%	122%
8	Chi sự nghiệp kinh tế	2.187.548	1.184.399	54%	104%
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	3.771.317	1.833.395	49%	104%
10	Chi bảo đảm xã hội	1.490.138	722.108	48%	104%
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay				
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	3.230	3.230	100%	100%
V	Dự phòng ngân sách	502.587	163.825	33%	
	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW	3.448.182	1.110.179	32%	85%
B	CHỈ NSDP				
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	1.596.141	418.816	26%	170%
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	1.332.634	444.416	33%	48%
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	519.407	246.947	48%	174%

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG NGUỒN DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH CẤP TỈNH

(Tài liệu phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh ngày 08-10/7/2019)

ĐVT: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Quyết định		
		Số quyết định	Ngày ban hành	Số tiền
I	Tổng nguồn dự phòng ngân sách cấp tỉnh			293.819
II	Nội dung thực hiện			67.213
1	Hỗ trợ KP khôi phục sản xuất cho ngư dân huyện Tĩnh Gia gặp rủi ro do thiên tai gây ra trong khi hoạt động trên biển	394/QĐ-UBND	25/1/2019	214
2	Hỗ trợ nông dân khắc phục thiệt hại do bão số 10 gây ra đối với sản xuất nông nghiệp từ ngày 15-17/9/2017	815/QĐ-UBND	6/3/20219	3.837
3	Ngăn chặn và ứng phó khẩn cấp với dịch tả lợn Châu Phi trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	857/QĐ-UBND	8/3/2019	6.859
4	Hỗ trợ ngư dân huyện Quảng Xương gặp rủi ro do thiên tai trên biển	1101/QĐ-UBND	29/3/2019	77
5	Thanh toán chi phí điều động phương tiện phục vụ công tác khắc phục hậu quả sau mưa lũ năm 2018 tại	1182/QĐ-UBND	4/4/2019	144
6	GPMB dự án Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền nghề cá cửa Sông Lý, huyện Quảng Xương	1736/QĐ-UBND	10/5/2019	294
7	Xử lý, khắc phục khẩn cấp cơ sở hạ tầng bị thiệt hại, hư hỏng do mưa lũ gây ra từ ngày 28-31/8/2018 trên địa bàn một số huyện, tỉnh Thanh Hóa	1704/QĐ-UBND	8/5/2019	28.198
8	KP thực hiện công tác ngăn chặn và ứng phó khẩn cấp với dịch tả lợn Châu Phi xảy ra trên địa bàn tỉnh Thanh	1757/QĐ-UBND	13/5/2019	7.260
9	Hỗ trợ kinh phí giải phóng mặt bằng dự án sửa chữa kênh Pom Buôi từ bản Hạ Sơn, xã Pù Nhi về thị trấn	2227/QĐ-UBND	11/6/2019	918
10	Hỗ trợ khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai, sửa chữa kênh Na Chùa, xã Mường chanh, huyện Mường Lát	2319/QĐ-UBND	14/6/2019	2.000
11	Cấp tạm ứng kinh phí hỗ trợ thiệt hại cho hộ sản xuất do lợn mắc bệnh lở mồm long móng, tai xanh dịch tả	2053/QĐ-UBND	31/5/2019	17.412
3	Nguồn dự phòng còn lại			226.606

**TỔNG HỢP CÁC CHƯƠNG TRÌNH, CHÍNH SÁCH CỦA TỈNH CÒN LẠI CHƯA PHÂN BỐ
CHI TIẾT NĂM 2019 ĐẾN 15/06/2019**

(Tài liệu phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh ngày 08-10/7/2019)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Số tiền	Lý do chưa phân bổ
I	KP tăng cường CSVC thực hiện Đề án xây dựng chính quyền điện tử và phát triển dịch vụ tỉnh thông minh	247.342	Các dự án đang hoàn thiện hồ sơ, thủ tục trình phê duyệt dự án theo quy định
II	Quản lý hành chính	112.900	
1	Dự kiến điều chỉnh phụ cấp và chế độ trợ cấp một lần cho cán bộ không chuyên trách và cán bộ dôi dư do sắp xếp xã	107.900	Phân bổ theo chính sách
2	KP sửa chữa trụ sở tài sản cơ quan nhà nước	5.000	Kinh phí chờ Quyết toán
III	Sự nghiệp giáo dục đào tạo	203.256	
1	Hỗ trợ thu hút cán bộ giảng viên mới (tiền sĩ, giáo sư) cho Phân hiệu ĐH Y Hà Nội giai đoạn 2016-2021; đào tạo chứng chỉ hành nghề khám chữa bệnh	8.000	Sở Y tế đang tổng hợp hồ sơ của bác sỹ nội trú để trình UBND tỉnh phê duyệt làm cơ sở để phân bổ kinh phí.
2	Kinh phí tuyển mới, hợp đồng giáo viên và khuyến khích xã hội hóa giáo dục	73.860	Phân bổ theo kết quả thực hiện
3	Dự chi đảm bảo chế độ trong lộ trình sắp xếp biên chế theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	116.763	Phân bổ theo kết quả thực hiện
4	Đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực	4.633	Hỗ trợ cho đối tượng bảo vệ luận văn Thạc sỹ, Tiền sỹ
IV	Sự nghiệp môi trường	46.674	
1	Hỗ trợ các địa phương xử lý rác thải bằng công nghệ lò đốt; Vốn đối ứng, thực hiện các dự án sự nghiệp xử lý ô nhiễm môi trường.	46.674	Phân bổ theo nhiệm vụ
V	Sự nghiệp khoa học	47.485	
1	Chính sách khuyến khích phát triển khoa học công nghệ	47.485	Phân bổ theo kết quả thực hiện
VI	Sự nghiệp kinh tế	89.710	
1	Đề án giảm nghèo nhanh và bền vững (Gồm cả KP hỗ trợ đất ở theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg)	14.000	Ngày 31/5/2019 UBND tỉnh ban hành QĐ số 2051/QĐ-UBND phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án thuộc CT giảm nghèo nhanh và bền vững. Hiện Ban dân tộc đang hoàn thiện hồ sơ, thủ tục để trình phê duyệt BCKTKT làm cơ sở để giao vốn.
2	CT xây dựng nông thôn mới	14.207	1. Kinh phí khen thưởng các huyện đạt chuẩn NTM, hiện chưa có huyện nào được TTCP công nhận đạt chuẩn NMT nên chưa có cơ sở phân bổ (5 tỷ). 2. Kinh phí hỗ trợ học tập kinh nghiệm triển khai chương trình OCOP tại Nhật Bản và Thái Lan: Phân bổ khi có QĐ bổ sung chương trình đối ngoại, học tập kinh nghiệm nước ngoài của tỉnh. 3. KP mô hình nông thôn kiểu mẫu: VP NTM đang triển khai thực hiện.

TT	Nội dung	Số tiền	Lý do chưa phân bổ
3	Chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư vào KKT Nghi Sơn và các KCN	18.600	Phân bổ theo kết quả thực hiện
4	Chính sách khuyến khích phát triển CN, TTCN và TM	15.759	Phân bổ theo kết quả thực hiện
5	Chương trình vệ sinh an toàn thực phẩm	27.144	Do một số nhiệm vụ chưa được tinh phê duyệt Kế hoạch.
	Tổng cộng	747.367	